BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26/03/2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2019
Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng
Tuần từ: 27/03/2020 đến: 02/04/2020

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tháng/tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
				TBNN	Năm 2018-2019	Năm 2017-2018	
A	**Cao Bằng**			**4%**	**-15%**	**-12%**	
1	Cao Bằng	32	1495	30%	4%	12%	18
2	Nguyên Bình	27	1211	-16%	-24%	-28%	16
3	Trùng Khánh	13	1330	-1%	-26%	-22%	17
B	**Lạng Sơn**			**3%**	**-27%**	**-16%**	
4	Bắc Sơn	56	1395	16%	-20%	-6%	6
5	Đình Lập	21	1029	-14%	-38%	-23%	8
6	Hữu Lũng	70	992	3%	-17%	-23%	8
7	Lạng Sơn	61	1093	3%	-34%	-7%	6
8	Thất Khê	64	1251	6%	-27%	-21%	30
	Trung bình						

Nhận xét:

Theo số liệu mưa thực đo từ 1/6/2019 đến 7 giờ ngày 25/3/2020 cho thấy:

- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn thấp hơn 30% so với cùng kỳ năm 2019 và cao hơn 3% với trung bình nhiều năm
- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 15% so với cùng kỳ năm 2019 và trên 3% so với trung bình nhiều năm

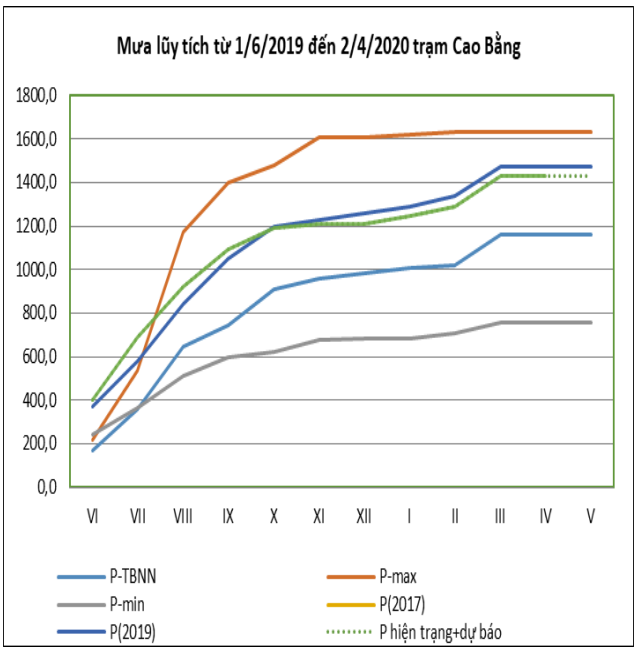

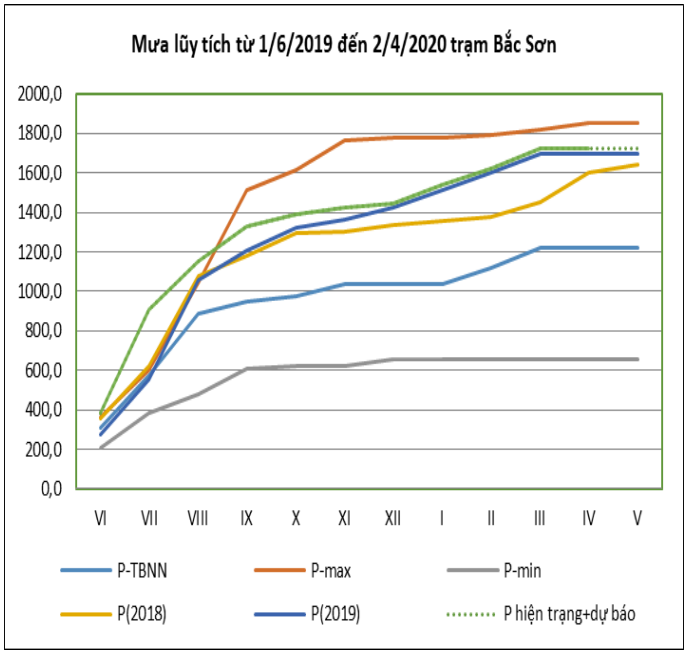

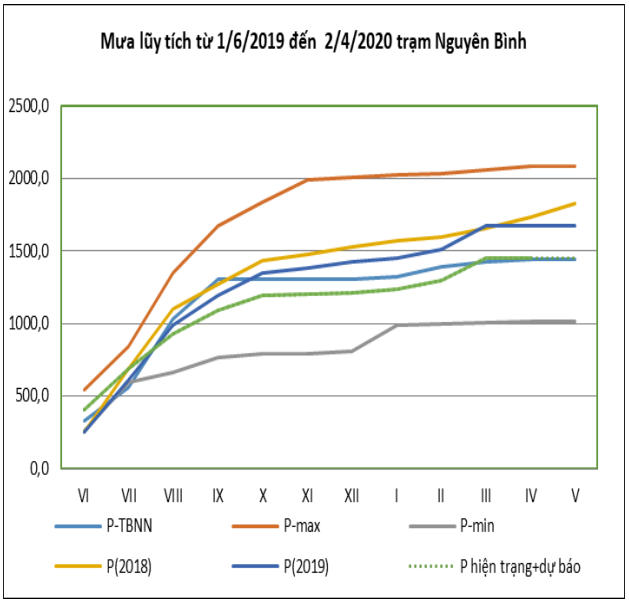

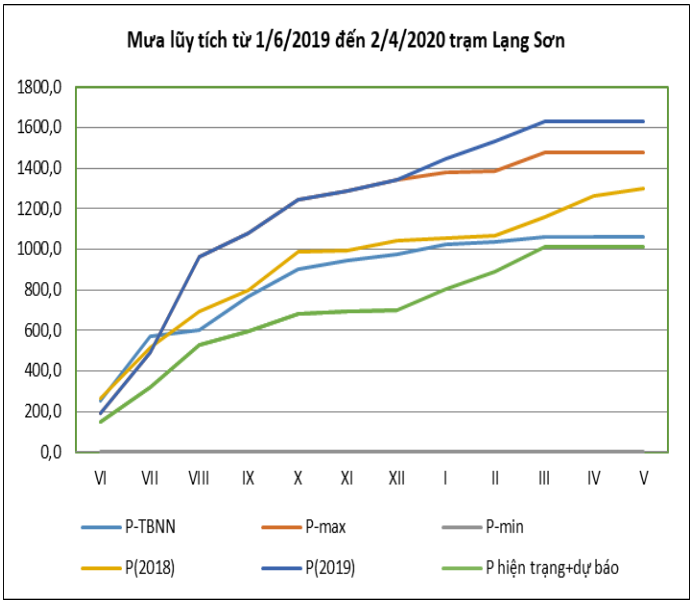

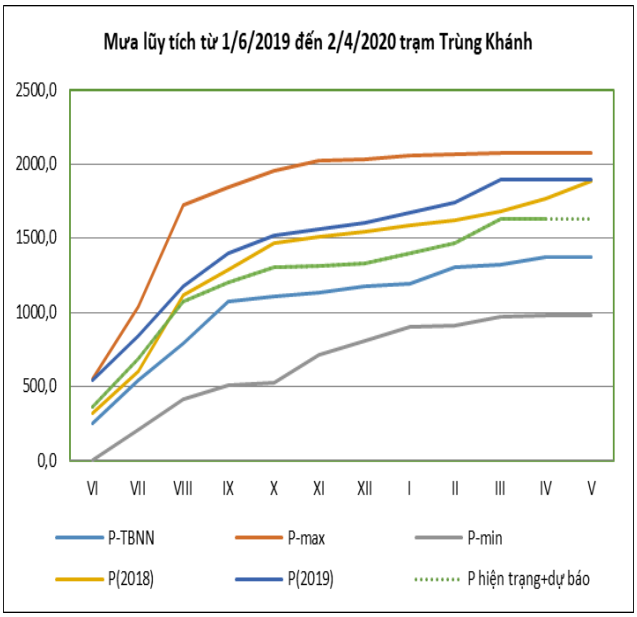

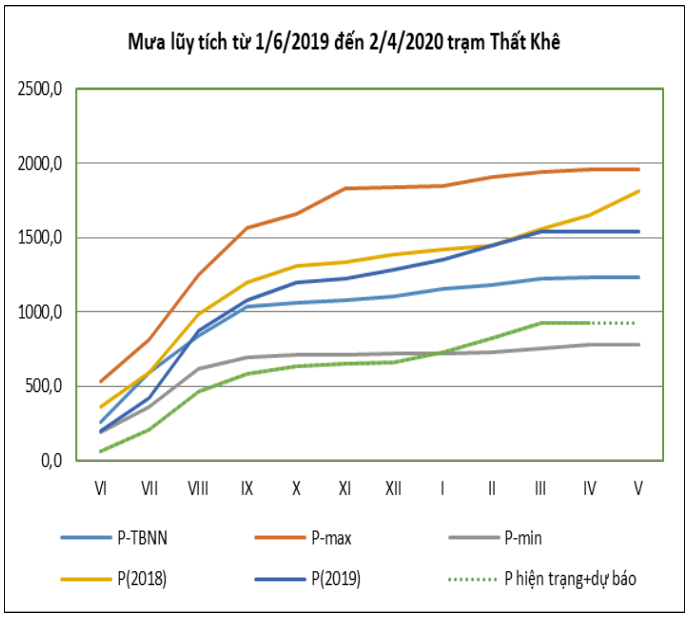

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Hiện trạng nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m^3)	W trữ hiện tại so với W_{tk} (%)	Dự kiến W trữ cuối tuần (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Đánh giá
					TBNN	2019	2018	2017	
1	Khuổi lái	2,46	99,10	96,51		16,94	18,29	77,19	Tăng
2	Nà Tấu	1,79	100,00	89,31		16,62	0,86	93,78	Tăng
3	Bản Nưa	0,81	48,81	50,45		-12,55	-18,33	27,90	Giảm
4	Bản Viết	3,08	46,50	50,00		-45,12	-15,30	-15,30	Giảm
5	Nà Cáy	4,31	99,84	99,67		0,00	6,93	14,23	Giảm
6	Tà Keo	12,88	74,20	70,86		-4,37	-15,24	10,58	Giảm
7	Thâm Luông	0,97	39,75	0,08		-48,89	-24,97	-14,69	Giảm
8	Nà Tâm	1,91	56,93	52,88		-6,74	32,34	37,62	Giảm
9	Nà Chào	2,26	48,08	40,69		-25,45	-5,74	27,66	Giảm
10	Phai Danh	2,13	91,76	87,15		-6,60	5,32	24,18	Giảm
11	Nà Pàn	0,82	0,00	0,00		-53,46	-38,29	-49,19	Giảm
12	Bản Chành	2,02	99,80	97,00		4,41	2,11	13,63	Tăng
13	Bản Chang	1,61	0,08	0,43		-63,85	-54,00		Giảm
	Trung bình	**37,04**	**61,91**	**56,54**		**-17,62**	**-8,16**	**20,63**	

Nhận xét:

- Hiện tại, các hồ chứa tính toán trong lưu vực tích trên 56,93% so với dung tích thiết kế (Khuổi Lái, Nà Tấu, Nà Cáy, Tà Keo, Nà Tâm, Phai Danh, Bản Chanh) , còn các hồ còn lại tích dưới 50%: hồ Bản Nưa tích 48,81%, Bản Viết 46,5%, Nà Chào 48,08%, Thâm Luông 39,75%, 2 hồ: Nà Pàn 0%, Bản Chang 0,08% so với dung tích thiết kế do đã tháo nước để sửa chữa.
- Tổng dung tích 13 hồ là: 37,04 triệu m^3
- Lượng trữ của 13 hồ so với dung tích thiết kế chiếm: 61,91 %
- Dự báo xu thế nguồn nước tuần tới hầu hết các hồ đều giảm so với năm 2019, còn hồ Khuổi Lái, Nà Tấu, Bản Chành tăng với năm 2019. Một số hồ hiện tại tích ít nước do đang sửa chữa và rò rỉ nước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Nhu cầu nước

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo:

Tổng nhu cầu nước của 14 công trình là: 1,901 x $10^6 m^3$

Nguồn nước trữ hồ chứa ở nội tại các hồ chứa tính toán trong lưu vực tích trên 56,93% so với dung tích thiết kế (Khuổi Lái, Nà Tấu, Nà Cáy, Tà Keo, Nà Tâm, Phai Danh, Bản Chanh), trừ hồ Bản Nưa, Bản Viết, Nà Chào, Thâm Luông, Nà Pàn và Bản Chang.

Lượng mưa và dòng chảy đến trong vụ tới được dự báo ở Lạng Sơn thấp hơn trung bình nhiều năm, Cao Bằng trên trung bình nhiều năm.

Hiện tại, nguồn nước đảm bảo lấy nước cấy lúa vụ Đông Xuân.

Nhu cầu nước của các hồ chứa thủy lợi *Đơn vị: $10^6 m^3$*

TT	Tên công trình	27/3/2020	28/03/2020	29/03/2020	30/03/2020	31/03/2020	01/04/2020	02/04/2020	Tổng
1	Khuổi Lái	0,04	0,04	0,04	0,04	0,01	0,01	0,01	**0,193**
2	Nà Tấu	0,05	0,05	0,05	0,05	0,02	0,02	0,02	**0,248**
3	Bản Nưa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,007**
4	Bản Viết	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,003**
5	Nà Cáy	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,00	**0,072**
6	Tà Keo	0,11	0,11	0,11	0,11	0,04	0,04	0,04	**0,553**
7	Thâm Luông	0,03	0,03	0,03	0,03	0,01	0,01	0,01	**0,139**
8	Nà Tâm	0,02	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01	**0,091**
9	Nà Chào	0,04	0,04	0,04	0,04	0,01	0,01	0,01	**0,194**
10	Phai Danh	0,02	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01	**0,111**
11	Nà Pàn	0,02	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01	**0,108**
12	Bản Chành	0,02	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01	**0,095**
13	Bản Chang	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,008**
14	HTTL Hồng Đại	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00	0,02	0,01	**0,079**
	Tổng	**0,37**	**0,37**	**0,37**	**0,37**	**0,13**	**0,15**	**0,14**	**1,901**

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình như sau:

2. Khả năng cấp nước của các công trình

TT	Tên công trình	Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2020			Ghi chú
				Dung tích cuối tuần so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Khuổi lái	99,10	221	96,51	100,0	221	Đủ nước
2	Nà Tấu	100,00	220	89,31	100,0	220	Đủ nước
3	Bản Nưa	48,81	114	50,45	100,0	114	Đủ nước
4	Bản Viết	46,50	167	50,00	100,0	167	Đủ nước
5	Nà Cáy	99,84	72	99,67	100,0	72	Đủ nước
6	Tà Keo	74,20	560	70,86	100,0	560	Đủ nước
7	Thâm Luông	39,75	127	0,08	100,0	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	56,93	106	52,88	100,0	106	Đủ nước
9	Nà Chào	48,08	198	40,69	100,0	198	Đủ nước
10	Phai Danh	91,76	103	87,15	100,0	103	Đủ nước
11	Nà Pàn	0,00	101	0,00	100,0	101	Đủ nước
12	Bản Chành	99,80	114	97,00	100,0	114	Đủ nước
13	Bản Chang	0,08	120	0,43	100,0	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		786		100,0	786	Đủ nước

Nhận xét:

- Các công trình hồ chứa đều đảm bảo đủ nước cho tuần tới
- Không có hạn

3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
A	**Cao Bằng**			**53%**	**4%**	**-28%**	
1		Cao Bằng	1513	100%	**30%**	**-7%**	
2		Nguyên Bình	1227	21%	**-16%**	**-41%**	
3		Trùng Khánh	1346	38%	**-2%**	**-35%**	
B	**Lạng Sơn**			**74%**	**0%**	**-41%**	
4		Bắc Sơn	1401	114%	14%	-24%	
5		Đình Lập	1037	50%	-15%	-59%	
6		Hữu Lũng	1000	68%	-9%	-56%	
7		Lạng Sơn	1099	59%	2%	-33%	
8		Thất Khê	1281	78%	7%	-33%	

Nhận xét và khuyến cáo:

Dự báo lượng mưa trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ tháng 26/3 đến 2/4/2020 đạt 80% so với tổng lượng
- mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 105% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm

4. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Đông Xuân	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/ giảm)
1	TP. Cao Bằng	753	698	55					
2	H. Thông Nông	1.373	47	1.326					
3	H. Hà Quảng	4.486	194	4.292					
4	H. Trà Lĩnh	2.581	0	2.581					
5	H. Trùng Khánh	4.540	0	4.540					
6	H. Hạ Lang	2.095	345	1.750					
7	H. Quảng Uyên	3.397	98	3.299					
8	H. Phục Hòa	3.998	124	3.874					
9	H. Hòa An	4.631	1.086	3.545					
10	H. Thạch An	2.493	772	1.721					
11	H. Nguyên Bình (16/20)	3.094	82	3.012					
12	TP. Lạng Sơn	518	299	219					
13	H. Tràng Định	2.208	1.800	408					
14	H. Văn Lãng	1.266	1.104	162					
15	H. Bình Gia	1.691	1.182	510					
16	H. Bắc Sơn (4/20)	415	304	111					
17	H. Văn Quan	1.806	1.164	642					
18	H. Cao Lộc	2.387	1.557	831					
19	H. Lộc Bình (26/29)	2.631	1.793	838					
20	H. Chi Lăng (4/21)	400	125	275					
21	H. Đình Lập (5/12)	249	158	90					
22	H. Na Rì	1.316	1.243	72					
23	H. Chợ Mới (2/16)	327	252	75					
24	H. Ngân Sơn (3/11)	304	30	274					
	Cộng	**48.960**	**14.458**	**34.503**					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày: **03/04/2020**

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI